TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 132/2018/QĐST-HNGĐ	*Năm Căn, ngày 09 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬNTHUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con chung: Có hai người con tên Nguyễn Trúc H (nữ), sinh ngày 02/6/2004 và Nguyễn Đăng K (nam), sinh ngày 28/11/2006, hiện nay hai người con

đang sống cùng gia đình. Khi ly hôn, bà N và ông L tự thỏa thuận về việc nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch các bên đương sự phải chịu 50% (bà N và ông L mỗi người phải nộp $^1/_2$ bằng 75.000 đồng), bà N đồng ý nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016185 ngày 01tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, bà N được nhận lại 150.000 đồng.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền